

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 07- 8- 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 50/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Ấp MT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Ấp TT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T do mai mối và hai bên tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/9/2017. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T ban đầu hạnh phúc, nhưng

về sau xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và mẹ chồng, cha chồng của chị H thường xuyên can thiệp vào cuộc sống của vợ chồng chị H và anh T. Ngoài ra mẹ chồng, cha chồng nhiều lần dùng lời lẽ nhục mạ chị H nhưng anh T luôn bên vực cha, mẹ mà không hỏi lý do. Đến cuối năm 2021 do mâu thuẫn nên chị H và anh T đã ly tH nhau cho đến nay. Quá trình ly tH chị H và anh T không có liên lạc để hàn gắn mối quan hệ hôn nH. Nay xét thấy tình cảm không còn, hôn nH không đạt được mục đích nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có một người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2019 hiện đang ở chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung nêu trên đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày như sau:

Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H do mai mối, hai bên tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/9/2017. Quá trình chung sống với chị H không hạnh phúc, do anh T và chị H không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau và đã ly tH nhau từ ngày 20/11/2021 cho đến nay. Với yêu cầu của chị H, anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị H có một người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2019 hiện đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung nêu trên đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu Tòa án xét xử giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành thì anh T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nH gia đình sơ thẩm số: 50/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nH dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Đức T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H mỗi tháng là 3.000.000 đồng khi cháu H đến tuổi trưởng thành. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, anh Nguyễn Đức T kháng cáo với nội dung yêu cầu được nuôi con chung cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2019 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2019, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét kháng cáo của anh T về yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2019 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh không cung cấp chứng cứ gì, chứng minh cho việc chị H ngược đãi hoặc không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

Về án phí cấp dưỡng, cấp sơ thẩm tuyên chị H có nghĩa vụ nộp là chưa đúng quy định pháp luật, đề nghị sửa phần án phí sơ thẩm.

Từ các nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ hôn nhân, tài sản và nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức T yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2019 và không yêu cầu cấp dưỡng, vì cho rằng anh đủ điều kiện nuôi con tốt hơn chị H và chị H trực tiếp nuôi con sẽ cản trở việc anh thăm nom con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H xác định có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị luôn tạo điều kiện cho anh T và bên chồng chị thăm cháu, anh T thường đi công tác ít ở nhà nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ không đảm bảo.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T và chị H đều chứng minh được anh chị có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tốt cho con chung. Tuy nhiên, xét về tính chất công việc của anh chị cho thấy, anh T thường đi công tác, chị H thì làm tại chỗ nên điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu sẽ thuận lợi và tốt hơn. Hơn nữa chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ khi mới sinh ra cho đến nay, cháu hiện chưa đầy 05 tuổi. Tại phiên tòa anh T cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho rằng chị H không đủ điều kiện nuôi con chung hoặc có hành vi ngăn cản không cho anh thăm nom con chung. Cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu Gia H cho chị H nuôi là đã xem xét toàn diện đến quyền lợi của cháu, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trường hợp sau khi giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi, nếu chị không còn đủ điều kiện nuôi con, có hành vi ngược đãi con hoặc cháu đủ 07 tuổi, lúc này nguyện vọng của cháu muốn sống với anh T, thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trong nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Giao cháu H cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, anh chị đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nH sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Xét về án phí cấp dưỡng, cấp sơ thẩm tuyên chị H phải chịu 300.000đ là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Phần án phí này, anh T có nghĩa vụ chịu.

Án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

[4] Chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án hôn nH gia đình sơ thẩm số 50/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nH dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức T về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nH và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên Xử:

1. Về hôn nH: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Đức T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, anh chị đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H mỗi tháng là 3.000.000 đồng khi cháu H đến tuổi trưởng thành. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004473 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang

Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng số 0004606 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009904 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- THA dân sự huyện HĐ;
- UBND xã BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chon